

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3024/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2024

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp Ly Hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 4817 HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1982

Số căn cước công dân: 072182012902

Nơi thường trú: 10/31 Đường D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 133/25 tổ A N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1978

Số căn cước công dân: 079078034084

Nơi thường trú: 10/31 Đường D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2024 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tìm hiểu, năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống bên nhà chồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân giữa bà P không hòa hợp với mẹ chồng, ông T không chia sẻ cuộc sống gia đình với bà P. Ông T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, một mình bà P phải bươn chải lo cho cuộc sống gia đình, ông T không phụ giúp bà P nên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống gia đình nên thường xảy ra bất hòa, không có tiếng nói chung. Đầu năm 2022 vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn và bà P đã dọn ra sống riêng nên đã ly thân, nay bà P không còn tình cảm với ông Nguyễn Thành T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Hai ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trung K (nam), sinh ngày 28/12/2008, Nguyễn Ngọc Anh T1 (nữ), sinh ngày 03/02/2016. Ly hôn bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Nguyễn Ngọc Anh T1, hiện nay bà P đang trực tiếp chăm sóc con. Giao con chung tên Nguyễn Trung K cho ông Nguyễn Thành Trung trực t chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, hiện nay ông T đang trực tiếp chăm sóc con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T có lời khai: Ông T xác nhận quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn đúng như bà Nguyễn Thị Kim P trình bày. Năm 2022 bà P đã dọn ra sống riêng và ông bà đã ly thân. Nay bà P cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Hai ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trung K (nam), sinh ngày 28/12/2008, Nguyễn Ngọc Anh T1 (nữ), sinh ngày 03/02/2016. Ly hôn ông T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Nguyễn Trung K, hiện nay ông T đang trực tiếp chăm sóc con. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1 cho bà P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay bà P đang trực tiếp chăm sóc con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Thành T cùng có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt và bảo lưu quan điểm của mình, bị đơn có yêu cầu vắng mặt vắng mặt.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Thành T phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc ly hôn và bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P, bị đơn ông Nguyễn Thành T cùng có yêu cầu vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Thành T là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/3/2008. Theo bà P thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà P và ông T bắt đầu từ năm 2018, mâu thuẫn xuất phát từ gia đình chồng bà, giữa bà và mẹ chồng, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, mặc cho bà một mình lo kinh tế, không chia sẻ cuộc sống gia đình với bà, mâu thuẫn kéo dài nên vợ chồng bà thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Năm 2022, bà P đã dọn ra khỏi nhà và vợ chồng ông bà đã ly thân. Nay vợ

chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện, các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại bản tự khai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Thành T phù hợp với các giấy khai sinh số 23, quyển 01 ngày 02/02/2009; giấy khai sinh số 57 ngày 18/02/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có đủ căn cứ xác định bà P và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Trung K (nam), sinh ngày 28/12/2008, Nguyễn Ngọc Anh T1 (nữ), sinh ngày 03/02/2016.

Ly hôn bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Nguyễn Ngọc Anh T1 (nữ), sinh ngày 03/02/2016, hiện nay bà P đang trực tiếp chăm sóc con. Giao con chung tên Nguyễn Trung K (nam), sinh ngày 28/12/2008 cho ông Nguyễn Thành Trung trực t chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay ông T đang trực tiếp chăm sóc con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: trẻ Nguyễn Ngọc Anh T1 hiện nay bà P đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, trẻ Nguyễn Trung K hiện do ông Trung trực t chăm sóc nuôi dưỡng, ở lứa tuổi của 02 trẻ đang phát triển, thì chi phí sinh hoạt và học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh ở mức tối thiểu cao hơn so với các khu vực nông thôn hoặc khu vực khác trong cả nước. Theo yêu cầu của bà P và ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà P thì hiện nay ông bà mỗi người đều đang trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục 01 trẻ, thực tế bà P cũng đang trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Anh T1 và trẻ cũng có ý kiến là muốn được sống với mẹ, ông T cũng đang trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Trung K và trẻ cũng có ý kiến là muốn được sống với bố. Xét, nguyện vọng của bà P và ông T là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T: Ông T đồng ý ly hôn với bà P, ngoài ra ông T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[2.4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Thành T không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà P, ông T sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1 (nữ), sinh ngày 03/02/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn Trung K (nam), sinh ngày 28/12/2008 cho ông Nguyễn Thành Trung trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000690 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa

đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan